| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN KRÔNG NÔ**<br>**TỈNH ĐẮK NÔNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 10/2021/DS-ST
Ngày 26 - 5 - 2021
V/*v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ, TỈNH ĐĂK NÔNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Bà Võ Thị Nhi

*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Phạm Đình Bông; Ông Hồ Quang Hiển.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Trương Đình Hội – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Krông Nô.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa:*** Ông Tống Mạnh Cường, chức vụ Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2021, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Krông Nô tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 157/2020/TLST-DS, ngày 11/11/2020, về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07a/2021/QĐXXST-DS, ngày 22/4/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 96/2021/QĐST-DS ngày 10/5/2021 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ngân hàng N Việt Nam (Agribank)

Trụ sở tại: Số 2, đường L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T – chức vụ: Tổng giám đốc Agribank.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Tiết Văn T: Ông Đoàn Thanh C – chức vụ: Giám đốc Agribank chi nhánh huyện K.

*(Theo Quyết định số 2965/QĐ-NHNo-PC ngày 27/12/2019 của người đại diện theo pháp luật Ngân hàng N Việt Nam)*

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đoàn Thanh C: Ông Nguyễn Văn C - chức vụ: Phó Giám đốc Agribank chi nhánh huyện K (có đơn xin xét xử vắng mặt).

*(Theo Giấy ủy quyền số 188/ NHNoĐN-KN ngày 19/10/2020).*

*Bị đơn:*Ông Lương Văn N (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Hà Thị H (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

- Anh Lương Văn H (vắng mặt), chị Lương Thị T (vắng mặt) cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/10/2020 (nộp trực tiếp tại Tòa án ngày 04/11/2020), quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn – ông Nguyễn Văn C trình bày:*

Ngày 06/3/2018 ông Lương Văn N, bà Hà Thị H có vay vốn tại Ngân hàng N chi nhánh K (Agribank chi nhánh K), số tiền vay 60.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 5304LAV201800894, lãi suất cho vay tại thời điểm vay vốn là 10%/năm, mục đích vay phục hồi cây cà phê thời hạn 36 tháng.

Tại giấy nhận nợ kiêm báo cáo đề xuất giải ngân ngày 07/3/2018 đã xác nhận số tiền ông N, bà H còn nợ Ngân hàng là 60.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 10%/năm (lãi suất cho vay thả nổi theo hợp đồng tín dụng), lãi suất quá hạn là 150% lãi suất cho vay từng thời kỳ, thời hạn vay 24 tháng, hạn trả cuối cùng là ngày 05/3/2020, phương thức trả gốc 02 kỳ, kỳ 1 trả vào ngày 05/03/2019 số tiền 5.000.000 đồng, kỳ 2 trả vào ngày 05/3/2020 số tiền 55.000.000 đồng, phương thức trả lãi 06 tháng 1 lần.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay trên được ghi tại Cam kết thực hiện biện pháp bảo đảm bằng tài sản, cụ thể như sau: Thửa đất theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số: AD 015441do UBND huyện K cấp ngày 23/12/2008 mang tên hộ ông Lương Văn N, bà Hà Thị H, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số HĐ 099582 thửa đất số 13, tờ bản đồ số 18, diện tích 5205m$^2$, địa chỉ thửa đất bon B, thị trấn Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông, mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm, thời hạn sử dụng đến hết năm 2047.

Trong quá trình vay vốn đã được Ngân hàng giải ngân kể từ ngày 07/3/2018, ông Lương Văn N, bà Hà Thị H đã nộp tiền lãi là 3.100.000 đồng và đến nay ông N, bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng cam kết, mặc dù Ngân hàng đã đôn đốc, nhắc nhở nhiều lần nhưng phía bị đơn tiếp tục vi phạm cam kết, không thanh toán nợ vay cho Nguyên đơn kể từ ngày 07/03/2018, có biểu hiện trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Nay nguyên đơn yêu cầu cụ thể đối với bị đơn:

Buộc ông Lương Văn N, bà Hà Thị H hoàn trả cho Ngân hàng N Việt Nam số tiền 79.864.383 đồng. Trong đó: 60.000.000 đồng (tiền gốc) và tiền lãi là 19.864.383 đồng (trong hạn 8.867.123 đồng, tiền lãi quá hạn 10.997.260 đồng). Sau ngày 26/5/2021 Ngân hàng N Việt Nam tiếp tục tính theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng 5304LAV201800894, ngày 06/3/2018 và giấy nhận nợ kiêm báo cáo đề xuất giải ngân ngày 07/3/2018 nêu trên.

Trường hợp ông Lương Văn N, bà Hà Thị H không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện không đúng thì ngân hàng Agribank có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm là thửa đất số 13, tờ bản đồ số 18, diện tích 5205m$^2$, địa chỉ thửa đất bon B, thị trấn Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AD 015441do UBND huyện K cấp ngày 23/12/2008 mang tên hộ ông Lương Văn N, bà Hà Thị H, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số HĐ 099582 để thu hồi nợ.

Bị đơn ông Lương Văn N trình bày: Ngày 06/3/2018 vợ chồng ông có vay Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh huyện Krông Nô số tiền 60.000.000 đồng và lãi suất 10%/năm, đồng thời ông N, bà H có thế chấp thửa đất số 13, tờ bản đồ số 18, diện tích 5205m$^2$, địa chỉ thửa đất bon B, thị trấn Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AD 015441do UBND huyện Krông Nô cấp ngày 23/12/2008 mang tên hộ ông Lương Văn N, bà Hà Thị H. Nay vợ chồng ông N, bà H đồng ý thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc là 60.000.000 đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng. Hiện ông N đang chấp hành án tại Trại giam Đ Cục C10 nên ông N có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hà Thị H: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại Công an xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông nơi bà H sinh sống thì bà H có mặt tại địa phương, đã chuyển nhà đến thôn Đ, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông nhưng đã đi làm ăn xa không có ở nhà thường xuyên, đồng thời yêu cầu nguyên đơn thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng cho bà H. Tuy nhiên, bà H vẫn không có thông tin gì. Vì vậy, Tòa án không tiến hành lấy lời khai, công khai chứng cứ và hòa giải được vụ án nên quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lương Thị T trình bày: Chị T và anh Lương Văn H là con ruột của ông Lương Văn N, bà Hà Thị H. Thửa đất số 13, tờ bản đồ số 18, diện tích 5205m$^2$, địa chỉ thửa đất bon B, thị trấn Đ, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 015441 do UBND huyện K cấp ngày 23/12/2008 mang tên hộ ông ông Lương Văn N, bà Hà Thị H mà ông N, bà H thế chấp cho Ngân hàng thì chị T không đóng góp gì đối với tài sản trên. Hiện nay chị T đã lấy chồng và đã tách khẩu được 04 năm. Chị T không có ý kiến gì đối với việc ông N, bà H vay vốn Ngân hàng, do đó chị T xin giải quyết và xét xử vắng mặt.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lương Văn H: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh anh H có nơi cư trú tại thôn Đ, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông, hiện nay có mặt tại địa phương, trong quá trình vay vốn ông N, bà H đã bảo đảm bằng tài sản là thửa đất số13, tờ bản đồ số 18, diện tích 5205m$^2$, địa chỉ thửa đất bon B, thị trấn Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông theo giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất số AD 015441 do UBND huyện K cấp ngày 23/12/2008 mang tên hộ ông ông Lương Văn N, bà Hà Thị H. Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh H tuy nhiên anh H vắng mặt không có lý do.Vì vậy, Tòa án không tiến hành lấy lời khai, công khai chứng cứ và hòa giải được vụ án nên quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

***Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông trình bày quan điểm giải quyết vụ án:***

Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký từ khi thụ lý giải quyết vụ án đến khi Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Ông N, bà H, anh H, chị T vắng mặt từ khi thụ lý đến khi xét xử đã được Tòa án tiến hành niêm yết các thủ tục tố tụng cũng như thực hiện thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng các đương sự vẫn vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn chấp hành tốt, bị đơn ông N có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật.

-Về nội dung: Căn cứ Điều 95 Luật tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2007. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà ông Lương Văn N, bà Hà Thị H trả cho Ngân hàng N Việt Nam số tiền gốc 60.000.000 đồng và tiền lãi trong hạn, quá hạn tính đến ngày xét xử 26/5/2021 là 19.864.383 đồng.

Ông Lương Văn N, bà Hà Thị H tiếp tục chịu lãi suất theo Hợp đồng tín dụng số 5304LAV201800894, ngày 06/3/2018 và giấy nhận nợ kiêm báo cáo đề xuất giải ngân ngày 07/3/2018 như đã thỏa thuận trong hợp đồng đối với số tiền gốc chưa thi hành kể từ ngày 27/5/2021 cho đến khi thanh toán hết nợ.

Đình chỉ yêu cầu của ngân hàng đối với yêu cầu là không yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo đối với ông Lương Văn N, bà Hà Thị H.

Về các vấn đề khác đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

1.1. Ngân hàng nông nghiệp & phát triển nông thôn Việt Nam khởi kiện yêu cầu ông Lương Văn N, bà Hà Thị H vi phạm hợp đồng tín dụng mà hai bên ký kết vào ngày 06/3/2018, khi thụ lý vụ án Tòa án xác định là vụ án dân sự với quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

1.2. Bị đơn ông Lương Văn N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã N, huyện K, tỉnh Đăk Nông. Vì vậy, tranh chấp này thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân huyện

Krông Nô theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

1.3. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại Công an xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông nơi ông N sinh sống thì hiện ông N, có đăng ký hộ khẩu tại địa phương nhưng hiện ông N đang chấp hành án theo giấy xác nhận số 90 ngày 18/5/2021 của Trại giam Đ Cục C10. Tòa án nhân dân huyện Krông Nô đã tiến hành tống các văn bản tố tụng cho ông N. Ông N có đơn xin giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hà Thị H (vợ ông N) có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã N, huyện K, tỉnh Đăk Nông nhưng bà H đi làm ăn đâu không rõ, khi đi không khai báo với chính quyền địa phương**,** không thay đổi nơi cư trú, không thông báo tạm vắng tại địa phương, không thông báo địa chỉ nơi cư trú mới cho Nguyên đơn, vì vậy chính quyền địa phương và Nguyên đơn không xác định được nơi sinh sống và làm việc hiện nay của bà H. Ngày 11/3/2021 Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông đã ban hành Quyết định số 24/2021/QĐ-TA về việc thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng cho bà H biết về nội dung Ngân hàng N Việt Nam khởi kiện yêu cầu ông Lương Văn N, bà Hà Thị H vi phạm hợp đồng tín dụng. Trong Quyết định thể hiện thời hạn giải quyết vụ án, tuy nhiên ông N, bà H vắng mặt tại phiên tòa.

Khoản 2 Điều 5 và điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP, ngày 05/5/2017 hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 quy định:

Khoản 2 Điều 5: "*Người khởi kiện đã cung cấp địa chỉ "nơi cư trú, làm việc, hoặc nơi có trụ sở" của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cho Tòa án theo đúng quy định của pháp luật và hướng dẫn tại khoản 1 Điều này tại thời điểm nộp đơn khởi kiện mà được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp, xác nhận hoặc có căn cứ khác chứng minh rằng đó là địa chỉ của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì được coi là đã ghi đúng địa chỉ của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015."*

Điều 6:

"2. *Trường hợp sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không tống đạt được thông báo về việc thụ lý vụ án do bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không còn cư trú, làm việc hoặc không có trụ sở tại địa chỉ mà nguyên đơn cung cấp thì Tòa án giải quyết như sau:*

a)*Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản thì được coi là "đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ*

*sở”.Trường hợp người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thay đổi nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung mà không đình chỉ việc giải quyết vụ án vì lý do không tống đạt được cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*.

Từ các phân tích và dẫn chiếu quy định của pháp luật trên, Tòa án nhân dân huyện Krông Nô thụ lý, giải quyết, đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông Lương Văn N, bà Hà Thị H là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lương Văn H, chị Lương Thị T là con ruột của ông N, bà H. Trong quá trình vay vốn ông N, bà H đã bảo đảm bằng tài sản là thửa đất số 13, tờ bản đồ số 18, diện tích 5205m$^2$, địa chỉ thửa đất bon B, thị trấn Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AD 015441 do UBND huyện K cấp ngày 23/12/2008 mang tên hộ ông Lương Văn N, bà Hà Thị H. Qua xác minh tại địa phương hộ ông Lương Văn N, bà Hà Thị H tại thời cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm Lương Văn H, Lương Thị T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã N, huyện K, tỉnh Đăk Nông và có mặt tại địa phương. Tòa án tiến hành, tống đạt niêm yết các văn bản tố tụng cho Lương Văn H nhưng anh H vắng mặt không có lý do, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án, Người đại diện theo theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm là thửa đất số 13, tờ bản đồ số 18, diện tích 5205m$^2$, địa chỉ thửa đất bon B, thị trấn Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AD 015441 do UBND huyện K cấp ngày 23/12/2008 mang tên hộ ông Lương Văn N, bà Hà Thị H để thu hồi nợ. Do đó việc vắng mặt tại phiên tòa của anh H, chị T không ảnh hưởng đến giải quyết nội dung vụ án.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số 5304LAV201800894, ngày 06/3/2018; Giấy nhận nợ kiêm báo cáo đề xuất giải ngân ngày 07/3/2018 đã xác định số tiền vay là 60.000.000 đồng *(Sáu mươi triệu đồng*); Thời hạn vay 24 tháng (từ ngày 07/3/2018 đến ngày 05/3/2020); mục đích vay phục hồi cà phê; lãi suất tại thời điểm vay là 10**%**/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất cho vay từng thời kỳ, phương thức trả gốc 02 kỳ, Kỳ 1 trả vào ngày 05/03/2019 số tiền 5.000.000 đồng, kỳ 2 trả vào ngày 05/3/2020 số tiền 55.000.000 đồng, phương thức trả lãi 06 tháng 1 lần.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng tín dụng thể hiện dưới hình thức văn bản, thể hiện sự tự nguyện, tự thỏa thuận giữa bên cho vay là Ngân hàng N Việt Nam và bên vay ông Lương Văn N, bà Hà Thị H. Hợp đồng tín dụng đã thể hiện rõ về mức cho vay, phương thức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay, trả nợ gốc và lãi vốn vay, quyền và nghĩa vụ của bên cho vay; đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng.

[3]. Về yêu cầu thanh toán tiền nợ gốc: Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 5304 LAV201800894, ngày 06/3/2018; Giấy nhận nợ kiêm báo cáo đề xuất giải ngân ngày 07/3/2018 các bên đã ký kết, ông N, bà H sẽ phải thanh toán tiền gốc và lãi vay Ngân hàng theo hình thức trả gốc 02 kỳ, phương thức trả lãi 6 tháng 1 lần. Tuy nhiên đến hạn trả nợ ông N, bà H không trả gốc 60.000.000 đồng và tiền lãi đã trả cho Nguyên đơn số tiền 3.100.000 đồng. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện bị đơn ra Tòa án nhân dân huyện Krông Nô yêu cầu ông Lương Văn N, bà Hà Thị H phải thanh toán số tiền nợ gốc 60.000.000 đồng theo hợp đồng là có căn cứ cần chấp nhận.

[4]. Xét yêu cầu thanh toán tiền nợ lãi trong hạn, quá hạn của nguyên đơn đối với ông Lương Văn N, bà Hà Thị H: Hội đồng xét xử xét thấy tại Giấy nhận nợ kiêm báo cáo đề xuất giải ngân ngày 07/3/2018 và Hợp đồng tín dụng số5304LAV201800894 ngày 06/3/2018 đã ký kết Nguyên đơn giải ngân cho ông N, bà H lãi suất cho vay là 10%/năm (lãi suất cho vay thả nổi theo hợp đồng tín dụng, lãi suất quá hạn 150% kể từ thời điểm ký hợp đồng, cụ thể từ ngày 08/3/2018 đến ngày 05/3/2020 mức lãi suất 10%/năm; mức lãi suất quá hạn là 15%/năm tính từ ngày 06/3/2020 đến ngày 26/5/2020. Vì vậy tính lãi như sau;

Lãi trong hạn của số tiền vay 60.000.000 đồng: tính từ ngày 08/3/2018 đến ngày 05/3/2020 là 728 ngày, lãi suất cho vay 10%/năm = 60.000.000 đồng x 10%/năm x 728 ngày = 11.967.123 đồng.

Ông Lương Văn N, bà Hà Thị H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 3.100.000 đồng. Vì vậy, tổng lãi trong hạn: [11.967.123 đồng - 3.100.000đồng] = 8.867.123 đồng.

Về yêu cầu tính lãi quá hạn: Lãi quá hạn của số tiền gốc 60.000.000 đồng: 10%/năm x 150% = 15%/năm: tính từ ngày 06/3/2020 đến 26/5/2021 là 446 ngày:60.000.000 đồng x 15%/năm x 446 ngày = 10.997.260đồng.

Tổng số tiền gốc lãi trong hạn, lãi quá hạn, ông Lương Văn N, bà Hà Thị H phải trả là 79.864.383 đồng.

Ông Lương Văn N, bà Hà Thị H phải tiếp tục chịu thêm lãi suất phát sinh từ ngày 27/5/2021 theo Hợp đồng tín dụng số 5304LAV201800894, ngày 06/3/2018 và Giấy nhận nợ kiêm báo cáo đề xuất giải ngân ngày 07/3/2018 cho đến khi thi hành án xong các khoản nợ trên.

[5]. Quá trình giải quyết, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo, Hội đồng xét xử xét thấy, việc người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút yêu cầu là tự nguyện. Căn cứ Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ yêu cầu nguyên đơn đã rút. Ngân hàng nông nghiệp & phát triển nông thôn Việt Nam có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự độc lập khi có yêu cầu.

[6]. Xét quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và đúng pháp luật nên được chấp nhận.

[7]. Lệ phí thông báo trên phương tiện đại chúng: Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là số tiền 5.025.000 đồng, nguyên đơn phải chịu theo quy định tại khoản 2 Điều 180 của Bộ luật tố tụng dân sự, được khấu trừ vào số tiền 5.025.000 đồng tạm ứng lệ phí nguyên đơn đã nộp theo Phiếu thu ngày 12/3/2021 tại Cơ quan thường trú Đài tiếng nói Việt Nam khu vực T; Hóa đơn giá trị gia tăng ngày 09/4/2021 của Công ty cổ phần thông tin truyền thông công lý và đăng trên Cổng thông tin điện tử TAND tỉnh Đắk Nông.

[8]. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Do Ngân hàng rút một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo là thửa đất số13, tờ bản đồ số 18, diện tích 5205m$^2$, địa chỉ thửa đất bon B, thị trấn Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AD 015441do UBND huyện K cấp ngày 23/12/2008 mang tên hộ ông Lương Văn N, bà Hà Thị H. Vì vậy, Ngân hàng phải chịu chi phí thẩm định số tiền là 3.000.000 đồng, được trừ 3.000.000 đồng mà Ngân hàng đã nộp theo phiếu thu ngày 12/3/2020.

[9] *Về án phí*: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của 79.864.383 đồng x 5% = 3.993.219 đồng (làm tròn 3.993.000 đồng) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của NQ 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016. Hoàn trả Nguyên đơn số tiền 1.868.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K theo biên lai số 0003939, ngày 09/11/2020.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 155; Điều 184; Điều 244; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 91, 95 của Luật tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Áp dụng các Điều 410, Điều 418; Điều 429, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N Việt Nam.

[1]. Buộc ông Lương Văn N và bà Hà Thị H phải trả cho Ngân hàng N Việt Nam tổng số tiền gốc và lãi là 79.864.383 đồng, (trong đó tiền gốc là 60.000.000 đồng và tiền lãi 19.864.383 đồng *(lãi trong hạn 8.867.123 đồng, tiền lãi quá hạn 10.997.260 đồng tính đến ngày 26/5/2021).*

Kể từ ngày 27/5/2021, ông Lương Văn N và bà Hà Thị H tiếp tục phải chịu lãi suất phát sinh theo thỏa thuận như hai bên ký kết theo hợp đồng tín dụng số 5304LAV201800894, ngày 06/3/2018 và Giấy nhận nợ kiêm báo cáo đề xuất giải

ngân ngày 07/3/2018 tương ứng với thời gian và số tiền gốc chậm trả cho đến khi thi hành án xong.

[2]. Đình chỉ yêu cầu của ngân hàng đối với yêu cầu là không yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo đối với ông Lương Văn N và bà Hà Thị H.

[3]. Lệ phí thông báo trên phương tiện đại chúng: Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng số tiền 5.025.000 đồng, nguyên đơn phải chịu chi phí số tiền 5.025.000 đồng, đã nộp Phiếu thu ngày 12/3/2021 tại Cơ quan thường trú Đài tiếng nói Việt Nam khu vực T; Hóa đơn giá trị gia tăng ngày 09/4/2021 của Công ty cổ phần thông tin truyền thông công lý và đăng trên Cổng thông tin điện tử TAND tỉnh Đắk Nông.

[4].Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ngân hàng phải chịu chi phí thẩm định số tiền là 3.000.000 đồng, được trừ 3.000.000 đồng mà Ngân hàng đã nộp ngày 12/3/2021.

[5]. Về án phí: Buộc ông Lương Văn N và bà Hà Thị H phải chịu số tiền 3.993.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả Ngân hàng N Việt Nam (do ông Lê Mai T nộp) số tiền 1.868.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Nô theo biên lai số 0003939, ngày 09/11/2020.

[6]. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

*"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014".*

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện.Krông Nô;
- Chi cục THA.DS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ Tọa phiên toà**

*(đã ký và đóng dấu)*
**Võ Thị Nhi**